

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 55/TTr-STNMT ngày 03 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố;
- Các sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Sở Nội vụ (quản lý văn thư lưu trữ);
- Báo Kon Tum, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Kon Tum bao gồm: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công kênh, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại.

2. Quy định này không áp dụng cho quản lý chất thải rắn xây dựng; chất thải y tế; những nội dung về hoạt động quản lý chất thải không nêu trong Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban ngành cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và ngoài nước, các đối tượng khác có hoạt động liên quan đến chất thải (sau đây gọi chung là chủ nguồn thải) được quy định tại Điều 1 của Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản lý chất thải là quá trình phòng ngừa, giảm thiểu, giám sát, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải.

2. Chất thải công kênh là vật dụng được thải bỏ có kích thước lớn (giường, tủ, nệm, bàn, ghế salon, tranh ảnh khổ lớn, thảm sàn, gốc cây, thân cây và nhánh cây,...) hoặc các tập hợp vật dụng được lưu chứa trong bao bì riêng có kích thước lớn hơn bao bì thu giá dịch vụ theo quy định.

3. Chất thải công nghiệp rắn công nghiệp thông thường là chất thải ở thể rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và thuộc danh mục chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định phần C, Mẫu số 01 Phụ lục III

ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Vận chuyển chất thải là quá trình chuyên chở chất thải từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo hoạt động thu gom, lưu giữ (hay tập kết) tạm thời, trung chuyển chất thải và sơ chế chất thải tại điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.

Điều 4. Yêu cầu chung về quản lý chất thải

1. Tổ chức, cá nhân có phát sinh chất thải có trách nhiệm áp dụng giải pháp tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo; áp dụng công nghệ, chương trình sản xuất sạch hơn, kiểm soát môi trường và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải. Việc phòng ngừa, giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng.

3. Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải có trách nhiệm nộp phí, giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

4. Nhà nước khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ quá trình xử lý chất thải; áp dụng công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu, kiểm soát chất thải thứ cấp phát sinh, hạn chế tối đa lượng chất thải rắn phải chôn lấp; khuyến khích đồng xử lý chất thải, sử dụng chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thay thế.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG, CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP PHẢI KIỂM SOÁT, CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mục 1

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 5. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

1. Chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt là CTRSH) thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý, thành 03 nhóm như sau:

a) Nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (Sắt, thép, nhựa, nilong, giấy, thùng carton, xăm lốp hỏng ...).

b) Chất thải thực phẩm (Lá, rễ rau củ quả, thịt, cá ôi thiu, thức ăn thừa...).

c) Chất thải rắn sinh hoạt khác gồm: Chất thải cống kênh và chất thải tro (không cháy được).

2. Công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo Hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

3. Chất thải rắn sinh hoạt sau khi được phân loại phải được quản lý theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 6. Trách nhiệm phân loại, lưu giữ, thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Việc thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường.

a) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các cá nhân, hộ gia đình phải được phân loại, thu gom và chuyển đến các điểm tập kết đúng thời gian, đúng nơi quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường. Tại các khu đô thị, không lưu giữ rác tại các thùng đựng rác công cộng trên các đường phố quá 48 giờ và tại các điểm trung chuyển quá 24 giờ.

b) Tùy vào đặc điểm của mỗi khu vực dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và đại diện của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt xác định thời gian và phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với hiện trạng và quy định của nhà nước.

c) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các khu thương mại phải được phân loại, bố trí phương tiện, dụng cụ thu gom; bố trí điểm tập kết, lưu giữ và phải ký hợp đồng với chủ cơ sở thu gom vận chuyển để đưa đi xử lý theo quy định.

2. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 7. Lựa chọn và xây dựng các điểm tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo các yêu cầu tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để xác định vị trí, thời gian tập kết, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận chất thải rắn tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển.

3. Các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp về cự ly vận chuyển đến các khu xử lý theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; được thiết kế theo đúng quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; đảm bảo mỹ quan, không gây ô nhiễm môi trường đất, không khí và nguồn nước trong quá trình vận hành.

Điều 8. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được lựa chọn theo các tiêu chí quy định tại Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Địa điểm lựa chọn đầu tư xây dựng các khu xử lý, các điểm/bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh, lò đốt rác phải phù hợp với Chiến lược Quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, định hướng đến năm 2050; Quy hoạch sử dụng đất và Quy hoạch xây dựng địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Triển khai xây dựng và vận hành các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt hợp vệ sinh phải tuân thủ theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc lựa chọn chủ đầu tư, chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Khuyến khích việc lựa chọn đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung quy mô cấp huyện, cụm huyện; áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại trong nước và thế giới, ưu tiên lựa chọn công nghệ xử lý có thu hồi năng lượng và thành phần có ích trong chất thải rắn sinh hoạt nhằm giảm tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp, đáp ứng mục tiêu về quản lý tổng hợp chất thải rắn do Chính phủ quy định.

Điều 9. Quản lý chất thải rắn công kênh

1. Chủ nguồn thải có thể tự vận chuyển hoặc tự thỏa thuận với chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để yêu cầu dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh đến nơi tiếp nhận. Nơi tiếp nhận là điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc điểm tiếp nhận chất thải rắn công kênh do chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định và công bố.

2. Trường hợp chất thải rắn công kênh sau khi tháo dỡ, giảm thể tích có thể chứa trong thùng 660 lít thì có thể thu gom ra điểm tập kết. Các trường hợp khác, chất thải rắn công kênh có thể được tháo dỡ và giảm thể tích trước hoặc sau khi chuyển đến trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc điểm tập kết chất thải rắn công kênh do chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định và công bố.

3. Chất thải rắn công kênh được vận chuyển, xử lý như chất thải rắn sinh hoạt. Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh từ điểm tập kết chất thải rắn công kênh đến cơ sở xử lý chất thải do chủ thu gom, vận chuyển chất thải

rắn sinh hoạt phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định, được thực hiện định kỳ ít nhất 01 lần/tháng và được Ủy ban nhân dân cấp huyện đưa vào nội dung đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Chủ nguồn thải phải trả giá dịch vụ tháo dỡ, thu gom chất thải rắn công kênh từ nơi phát sinh vận chuyển đến nơi tiếp nhận theo giá tự thỏa thuận với đơn vị cung ứng.

Mục 2

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Điều 10. Quy định chung về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân loại theo quy định tại Khoản 1 Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu hồi, phân loại, lựa chọn để tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất theo Danh mục chất thải quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và được quản lý như sản phẩm hàng hóa.

2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được lưu giữ riêng theo loại đã được phân loại; không để lẫn chất thải nguy hại với chất rắn công nghiệp thông thường; không làm phát tán bụi, rò rỉ nước thải ra môi trường; lưu giữ bằng các thiết bị, dụng cụ, khu vực lưu giữ phù hợp theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 11. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường

Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường

Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 13. Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 14. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 15. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường và mẫu biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường

Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường và mẫu biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Mục 3

QUẢN LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP PHẢI KIỂM SOÁT

Điều 16. Quy định chung về quản lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát

1. Chất thải công nghiệp phải kiểm soát được phân loại theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Việc phân định chất thải công nghiệp phải kiểm soát là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại. Trường hợp chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại; trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật đối với một số tính chất và thành phần nguy hại nhất định thì áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về bảo vệ môi trường của một trong các nước thuộc Nhóm các nước công nghiệp phát triển và thực hiện trách nhiệm quản lý theo quy định tại Mục 2 (*Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường*) hoặc Mục 4 (*Quản lý chất thải nguy hại*) của Quy định này.

Mục 4

QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Điều 17. Quy định chung về quản lý chất thải nguy hại

1. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải có trách nhiệm khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 83 Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Việc vận chuyển chất thải nguy hại được thực hiện bởi tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện chuyên dụng theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Chất thải nguy hại phải được xử lý bằng công nghệ phù hợp và đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 18. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại

Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại thực hiện theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 19. Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại thực hiện theo quy định tại Điều 72, Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 20. Khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại

Việc khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại thực hiện theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 21. Yêu cầu kỹ thuật về bao bì, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ xử lý chất thải nguy hại

Yêu cầu kỹ thuật về bao bì, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ xử lý chất thải nguy hại thực hiện theo quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ban ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất để phát triển khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

c) Hướng dẫn công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

d) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật có liên quan đến công tác quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh; Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

e) Chủ trì hướng dẫn việc cải tạo, phục hồi môi trường và quy trình đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động.

g) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chủ cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt, kiểm tra thực hiện công tác vệ sinh môi trường theo quy định.

h) Phối hợp với Sở Tài chính, hàng năm rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

i) Chịu trách nhiệm chủ trì, theo dõi, tổng hợp về các chỉ tiêu thu gom, xử lý chất thải, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan tổ chức thẩm định phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt địa bàn tỉnh sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định; thẩm định phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước theo đề nghị của các đơn vị sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh, sau khi có ý kiến thẩm định về định mức, kinh tế kỹ thuật của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan.

b) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp hằng năm cho hoạt

động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư; tham mưu bố trí vốn từ nguồn vốn đầu tư công để hỗ trợ đầu tư cho các chương trình, dự án đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý chất thải theo quy định của pháp luật đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

b) Rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung danh mục các dự án đầu tư thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh cần kêu gọi đầu tư.

c) Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án thu gom, xử lý chất thải theo thẩm quyền.

d) Theo dõi tiến độ đầu tư các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh nhất là đối với các hạng mục công trình tái chế chất thải rắn sinh hoạt, góp phần giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp, tiết kiệm tài nguyên theo đúng chủ trương đầu tư được cấp.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Chỉ đạo, đôn đốc và tổ chức kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp trong công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn của các Khu kinh tế, Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải của các chủ đầu tư hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các Khu kinh tế, Khu công nghiệp.

5. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và công an huyện, thành phố tăng cường công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm về môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển chất thải đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

6. Trách nhiệm của các sở, ban ngành khác

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, thanh tra việc quản lý chất thải, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

c) Thường xuyên tuyên truyền, vận động bằng các hình thức thiết thực, hiệu quả đến mọi người dân cùng hưởng ứng, tham gia và xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải nói riêng.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền; Xây dựng phóng sự tuyên truyền, ghi hình, đưa tin về các hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Dành thời lượng để tuyên truyền về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải nói riêng tại địa phương.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Điểm đ Khoản 1, điểm h Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường và kết quả triển khai các chương trình, kế hoạch, phong trào bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thành phố.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động Nhân dân tích cực vệ sinh môi trường và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

3. Đầu tư, khuyến khích xã hội hóa và quản lý quá trình đầu tư cho thu gom, vận chuyển, xây dựng công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định này trên địa bàn, xử lý nghiêm các vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Chủ động nguồn lực để đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương; Hàng năm, tổ chức điều tra, đánh giá lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, xây dựng và triển khai kế hoạch thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

6. Phối hợp với các sở, ban ngành trong công tác quản lý các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải công nghiệp phải kiểm soát; chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh.

7. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với các đơn vị liên quan:

a) Xác định sự cần thiết, vị trí và quy mô các điểm tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý; đề xuất vị trí, công suất, công nghệ trạm trung chuyển quy mô nhỏ phục vụ cho nhu cầu trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; thời gian, tuyến đường, tần suất thực hiện quét, thu gom chất thải rắn đường phố; mạng lưới, vị trí, số lượng, dung tích, mẫu mã thùng rác công cộng; các vị trí cụ thể được thải bỏ chất thải rắn ở khu vực công cộng.

b) Xác định vị trí quy hoạch xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn tập trung của huyện, thành phố.

8. Chủ trì tổ chức xây dựng và ban hành lộ trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để làm cơ sở đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ theo quy định.

9. Chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng đủ trạm trung chuyển phù hợp với quy hoạch để đảm bảo phục vụ cho công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện, thành phố.

10. Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn triển khai quy định này và các quy định hiện hành liên quan đến quản lý chất thải.

11. Công bố rộng rãi số điện thoại đường dây nóng lĩnh vực môi trường của huyện, thành phố để người dân được biết và phản ánh các vấn đề về môi trường (nếu có).

12. Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi quyền hạn của mình hoặc chuyển đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

13. Giám sát và tổng hợp các chỉ tiêu về tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn và kết quả triển khai các chương trình, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương. Định kỳ gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo đánh giá, kết quả triển khai thực hiện, đồng thời nêu những khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai và kiến nghị, đề xuất giải pháp thực hiện.

2. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, tập kết, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các thôn, làng, tổ dân phố và các tổ chức tự quản.

3. Phối hợp với các chủ cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định cụ thể thời gian, phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình, chủ nguồn thải và thời gian chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm cố định phù hợp với đặc điểm của từng khu vực, từng địa bàn.

4. Phổ biến thời gian và phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt đến tất cả hộ gia đình và chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

5. Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp huyện trong việc lựa chọn và xây dựng các điểm tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể cấp xã tuyên truyền, vận động, phổ biến các nội dung liên quan đến việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

7. Tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc thẩm quyền.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Quy định này; hằng năm tổng hợp, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các đoàn thể căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Quy định này đến các tổ chức, cá nhân và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.